

Số: 46/2022/QĐHG - HNGĐ

T1, ngày 22 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1**

Thẩm phán ra Quyết định: Ông Đồng Ngọc Huyền  
Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34, 35, 36 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;  
Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc ly hôn, tranh chấp về quan hệ tài sản giữa:

- Người khởi kiện: Chị Trần Thị M1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn ND, xã AB, huyện K, tỉnh T2.

- Người bị kiện: Anh Bùi Văn Đ1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn TrTr T, xã AN, huyện T1, tỉnh T2.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

**XÉT THẤY:**

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ1 xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà Nhà nước hoặc các cơ quan, tổ chức cá nhân khác;

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào có ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa chị Trần Thị M1 và anh Bùi Văn Đ1.

**2.** Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

*2.1. Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị M1 và anh Bùi Văn Đ1 thuận tình ly hôn.

*2.2. Về con chung:*

Chị Trần Thị M1 và anh Bùi Văn Đ1 có 02 con chung là Bùi Quốc V, sinh ngày 30/11/2002 và Bùi Văn Ng, sinh ngày 23/02/2005, hiện hai con chung đã trưởng thành, anh Đ1 và chị M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung.

2.3. *Về tài sản chung*: Chị Trần Thị M1 và anh Bùi Văn Đ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án Dân sự.

4. Các bên liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại Quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc biết được Quyết định.

5. Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 có quyền kiến nghị xem xét lại Quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định của Tòa án.

## **THẨM PHÁN**

### **Nơi nhân:**

- VKSND huyện T1;
- THADS huyện T1;
- UBND xã AN;
- Anh Đ1, chị M1;
- Lưu.

**Đồng Ngọc Huyền**